

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6325 /UBND-NNMT

Gia Lai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

V/v Dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cát Hiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải nộp tiền trồng rừng thay thế

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công ty TNHH Sunley Việt Nam.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 647/TTr-SNNMT ngày 18/5/2026 đề nghị ban hành Văn bản về việc không thuộc đối tượng phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải nộp tiền trồng rừng thay thế đối với Dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cát Hiệp do Công ty TNHH Sunley Việt Nam làm chủ đầu tư và hồ sơ liên quan kèm theo; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cát Hiệp do Công ty TNHH Sunley Việt Nam làm chủ đầu tư **không thuộc đối tượng phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất** theo quy định của pháp luật về đất đai; do đó theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b, Khoản 2, Điều 8 Luật số 146/2025/QH15: “*Dự án không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải trồng rừng thay thế”.*

2. Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017 được sửa đổi, tại khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025, diện tích thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế để thực hiện Dự án, cụ thể:

- Vị trí: Thuộc khoảnh 6, tiểu khu 238, xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai (*trước ngày 01/7/2025 thuộc xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định*).

- Diện tích: 2,15 ha.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 1,97 ha; Diện tích khác: 0,18 ha (có nguồn gốc là rừng trồng).

- Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ, cụ thể: *Tại Phụ lục kèm theo Văn bản này.*

3. Công ty TNHH Sunley Việt Nam thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế để thực hiện Dự án theo quy định.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện của Công ty TNHH Sunley Việt Nam theo quy định.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TC, XD;
- UBND xã Hòa Hội;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N1, N5.

llh



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Phụ lục
TỌA ĐỘ RANH GIỚI DIỆN TÍCH KHU ĐẤT PHẢI NỘP TIỀN TRỒNG
RỪNG THAY THẾ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(HỆ VN2000 KINH TUYẾN TRỤC 108 ĐỘ 15 PHÚT, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ)
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NNMT ngày /5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	X(m)	Y(m)	STT	X (m)	Y(m)
I	Vị trí 1				
1	1.549.171,32	583.231,50	37	1.549.101,92	583.155,78
2	1.549.175,39	583.216,08	38	1.549.101,99	583.155,93
3	1.549.118,51	583.195,92	39	1.549.102,11	583.156,19
4	1.549.114,74	583.194,58	40	1.549.102,23	583.156,48
5	1.549.123,95	583.168,59	41	1.549.102,28	583.156,60
6	1.549.124,27	583.167,79	42	1.549.102,31	583.156,69
7	1.549.124,66	583.167,03	43	1.549.102,42	583.156,96
8	1.549.125,12	583.166,29	44	1.549.102,51	583.157,28
9	1.549.125,50	583.165,79	45	1.549.102,57	583.157,44
10	1.549.125,66	583.165,57	46	1.549.102,61	583.157,59
11	1.549.126,08	583.165,10	47	1.549.102,66	583.157,77
12	1.549.126,21	583.164,96	48	1.549.102,72	583.158,04
13	1.549.126,23	583.164,95	49	1.549.102,78	583.158,31
14	1.549.126,25	583.164,92	50	1.549.102,80	583.158,47
15	1.549.126,42	583.164,76	51	1.549.102,83	583.158,60
16	1.549.126,83	583.164,37	52	1.549.102,86	583.158,87
17	1.549.126,88	583.164,34	53	1.549.102,91	583.159,19
18	1.549.126,89	583.164,32	54	1.549.102,92	583.159,33
19	1.549.127,57	583.163,78	55	1.549.102,93	583.159,43
20	1.549.128,11	583.163,44	56	1.549.102,97	583.160,27
21	1.549.128,22	583.163,36	57	1.549.102,94	583.160,85
22	1.549.128,24	583.163,36	58	1.549.102,94	583.160,96
23	1.549.128,30	583.163,31	59	1.549.102,94	583.161,00
24	1.549.129,07	583.162,90	60	1.549.102,93	583.161,11
25	1.549.129,77	583.162,60	61	1.549.102,82	583.161,94
26	1.549.119,85	583.159,10	62	1.549.102,64	583.162,77

STT	X(m)	Y(m)	STT	X (m)	Y(m)
27	1.549.100,81	583.154,03	63	1.549.102,39	583.163,58
28	1.549.100,90	583.154,15	64	1.549.094,01	583.187,23
29	1.549.100,99	583.154,27	65	1.549.093,06	583.186,90
30	1.549.101,16	583.154,52	66	1.549.090,24	583.185,90
31	1.549.101,30	583.154,71	67	1.548.841,86	583.097,89
32	1.549.101,36	583.154,81	68	1.548.849,95	583.113,50
33	1.549.101,49	583.155,00	69	1.548.849,79	583.114,72
34	1.549.101,60	583.155,20	70	1.548.871,79	583.159,89
35	1.549.101,74	583.155,43	71	1.548.872,02	583.160,26
36	1.549.101,86	583.155,67			
	Vị trí 2				
1	1.549.141,98	583.793,20	8	1.549.021,93	583.678,45
2	1.549.145,75	583.778,03	9	1.549.022,49	583.689,78
3	1.549.151,59	583.762,61	10	1.549.025,70	583.755,05
4	1.549.162,86	583.730,05	11	1.549.026,29	583.757,96
5	1.549.163,25	583.727,66	12	1.549.047,00	583.763,08
6	1.549.106,10	583.706,78	13	1.549.062,49	583.767,63
7	1.549.092,20	583.702,10			